Ký bởi: Sở Tài nguyên và Môi trường
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 15/08/2022 11:48:50

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

*(Kèm theo Tờ trình số: 661 /TT-VPĐKĐĐ, ngày 15 / 08 / 2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai)*

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum

| STT | Chủ sử dụng đất | Số phát hành GCN | Ngày cấp GCN | Vị trí đất | Số thửa | Số tờ bản đồ | Diện tích ($m^2$) | Mục đích sử dụng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hộ ông Trương Đức Sức | Y 888664 | 22/12/2003 | Thị trấn Đăk Hà | 38 | 17 | 250+1368 | T+Vườn | |
| 2 | Hộ bà Nguyễn Thị Thị | Y 888823 | 11/12/2003 | Thị trấn Đăk Hà | 11 | 40 | 250+2477 | T+Vườn | |
| 3 | Lại Thị Lê - Nguyễn Văn Tú | AB 319665 | 27/12/2004 | Thị trấn Đăk Hà | 19-20 | 14 | 3436.5 | ODT+Vườn | |
| 4 | Trần Công Sự - Trần Thị Hà | AP 652928 | 09/09/2009 | Thị trấn Đăk Hà | 17 | A | 80 | ODT | |
| 5 | Hộ ông A Thuin | U 601245 | 23/11/2001 | Ngọk Réo | 47 | 34 | 400+881 | T+Vườn | |
| 6 | Hồ Quốc Đoàn - Vũ Thị Xuân Hồng | BX 026071 | 07/05/2015 | Hà Mòn | 03 | 11 | 5255 | CLN | |
| 7 | Bùi Thị Lan | BH 597297 | 02/05/2012 | Thị trấn Đăk Hà | 10 | 49 | 5349 | NNP | |
| 8 | Lê Thị Hồng Thinh - Hoàng Cao Văn | AN 247388 | 01/12/2008 | Hà Mòn | 50 | 01 | 1667 | NNP | |
| 9 | Võ Thị Hoa Vinh | BH 561853 | 20/03/2012 | Đăk Hring | 22(P) | 53 | 294 | ONT | |
| 10 | Trần Bình Vượng | CĐ 722971 | 30/12/2016 | Hà Mòn | 78 | 22 | 7773.3 | CLN | |
| 11 | Ngô Quốc Việt - Lương Thị Hoài | AP 347121 | 24/04/2009 | Đăk Mar | 11 | C | 270 | ONT | |
| 12 | Nguyễn Đình Thịnh (đại diện cho Nguyễn Đình Thịnh, Huỳnh Tấn Mai) | CQ 993322 | 21/01/2020 | Đăk Mar | 50 | 43 | 169.7 | ONT | |
| 13 | Hộ ông Nguyễn Văn Tuất | U 300633 | 28/08/2002 | Đăk Mar | 22d | 06 | 50+150 | T+Vườn | |
| 14 | Lương Thị Thu | AĐ 955640 | 22/05/2006 | Đăk Hring | 110 | 29 | 287 | ONT | |
| 15 | Trần Trung Kiệt | BH 597850 | 16/01/2012 | Đăk Hring | 05(W) | 53 | 281.25 | ONT | |
| 16 | Cao Xuân Lộc | CP 848201 | 28/11/2018 | Đăk Ngọk | 1317 | 13 | 161 | ONT | |
| 17 | Nguyễn Chiến Thắng | BA 238750 | 02/08/2010 | Đăk Ui | 21 (C) | 30 | 270 | ONT | |
| 18 | Đỗ Thị Nhờ | BA 238691 | 10/08/2010 | Ngọc Wang | 31 | 18 | 15294 | NNP | |
| 19 | Vi Thế Lình - Phạm Thị Yên | BT 395097 | 24/12/2015 | Đăk Ngọk | 4 | 15 | 6813.8 | LNC | |
| 20 | Nguyễn Thị Thảo | BG 739038 | 14/09/2011 | Đăk Hring | 16+17 | 20 | 10234 | NNP | |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số phát hành GCN | Ngày cấp GCN | Vị trí đất | Số thửa | Số tờ bản đồ | Diện tích ($m^2$) | Mục đích sử dụng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Nguyễn Văn Lộc | BD 251723 | 30/11/2010 | Đăk Mar | 17(H) | 19 | 270.0 | ONT | |
| 22 | Phạm Tiến Hiệu - Nghiêm Thị Vui | AO 568893 | 19/12/2008 | Hà Mòn | 39 | 54 | 3238.0 | LNC | |
| 23 | Nguyễn Đỗ Quang | AB 548163 | 20/12/2004 | Hà Mòn | 103c | 02 | 320.0 | ONT | |
| 24 | Hộ ông Nguyễn Tự Do | Đ 509015 | 15/03/2004 | Thị trấn Đăk Hà | 45 | 08 | 250+1161 | T+Vườn | |
| 25 | Trần Đình Minh | K 044684 | 14/08/1997 | Đăk Ui | 3 | 5 | 7780 | Thổ cư+KTV | |
| 26 | Nguyễn Văn Thảo | AK 518290 | 10/09/2007 | Đăk Ui | 25, 26, 27 (C) | 30 | 810 | ONT | |
| 27 | Nguyễn Đình Thịnh (đại diện cho Nguyễn Đình Thịnh, Huỳnh Tấn Mai) | CU 326724 | 21/01/2020 | Đăk Mar | 135 | 47 | 178.3 | ONT | |
| 28 | Hộ ông Trần Quang Hiểu | AK 518611 | 09/06/2008 | Đăk Mar | 09 | 181 | 1191 | CLN | |
| 29 | Hộ ông Cao Quảng Lộc | R 167426 | 09/03/2000 | Đăk Mar | 11; 9,10 | 20; 22 | 4969+1403+4448 | CN | |
| 30 | Nguyễn Văn Thảo | AK 518289 | 10/09/2007 | Đăk Ui | 23, 24 (C) | 30 | 540 | ONT | |
| 31 | Hộ ông Trương Viết Cường | BK 147759 | 13/09/2012 | Thị trấn Đăk Hà | 91 | 60 | 6172 | NNP | |
| 32 | Hộ ông A Giải | R 167822 | 09/03/2000 | Đăk Mar | 32 | 13 | 4259 | CN | |
| 33 | Đỗ Ngọc Kiêu | AP 652788 | 09/09/2009 | Đăk Hring | 22 | 148c | 9077 | Đất nông nghiệp | |
| 34 | Thái Văn Quý - Nguyễn Thị Hoa | AO 599811 | 19/01/2009 | Đăk Hring | 02 | 34 | 270 | ONT | |

| STT | Chủ sử dụng đất | Số phát hành GCN | Ngày cấp GCN | Vị trí đất | Số thửa | Số tờ bản đồ | Diện tích ($m^2$) | Mục đích sử dụng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Hồ Sỹ Bảy - Nguyễn Thị Vận | AK 503430 | 29/01/2008 | Hà Mòn | 150 | 03 | 253 | ONT | |
| 36 | A Hlun | DĐ 186722 | 06/05/2022 | Đăk Ui | 1000 | 41 | 220+80 | ONT+HNK | |
| 37 | Đỗ Thị Hương | CĐ 389575 | 02/03/2017 | Thị trấn Đăk Hà | 155 | 03 | 310 | ODT | |
| 38 | Phạm Văn Cầu - Trần Thị Thái | AC 932627 | 22/09/2005 | Thị trấn Đăk Hà | 306b | 11 | 51.7 | ODT | |
| 39 | Hộ ông Nguyễn Văn Thanh | X 144955 | 27/06/2003 | Thị trấn Đăk Hà | 130 | 21 | 250+1529,5 | T+Vườn | |

Trên đây là danh sách đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để quản lý theo quy định./.